

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

VNIndex đóng cửa tăng nhẹ nhờ mức tăng đột biến ở nhóm cổ phiếu trụ cột

[Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL đồng loạt giảm mạnh với thanh khoản thấp

[Cổ phiếu tác động đến thị trường]

MWG, VGC

[Quan điểm đầu tư]

Tận dụng nhịp phục hồi để giảm dần vị thế trading ngắn hạn

26/03/2020

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	694.21	+0.57
VN30	646.70	-0.86
HĐTL VN30	626.10	-3.42
HNXIndex	97.81	-2.28
HNX30	176.74	-2.52
UPCoM	49.00	-1.07
USD/VNĐ	VND23,636	+0.16
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.20	+28
Lãi suất qua đêm (%)	1.96	+11
Dầu (WTI, \$)	18.99	+0.00
Vàng (LME, \$)	1,606.88	-0.62

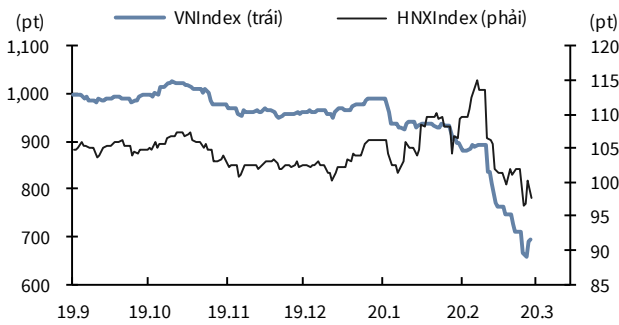


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	694.21 (+0.57%)
KLGD (triệu CP)	171.2 (-18.4%)
GTGD (triệu US\$)	171.4 (-17.3%)
HNXIndex	97.81 (-2.28%)
KLGD (triệu CP)	41.0 (-4.5%)
GTGD (triệu US\$)	13.4 (-14.8%)
UPCoM	49.00 (-1.07%)
KLGD (triệu CP)	10.5 (-16.9%)
GTGD (triệu US\$)	5.0 (-19.5%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-1.9

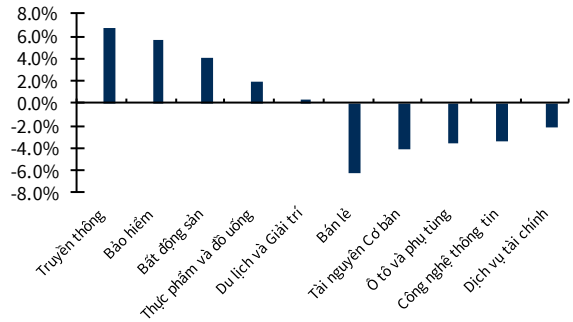
Phản ứng trước yêu cầu của lãnh đạo 2 thành phố lớn là Hà Nội và Hồ Chí Minh về việc đóng cửa tất cả các hoạt động kinh doanh trên địa bàn 2 thành phố (ngoại trừ cơ sở kinh doanh các mặt hàng nhu yếu phẩm), TTCK Việt Nam có phiên giảm điểm trên diện rộng, mặc dù chỉ số VNIndex vẫn đóng cửa ở mức tăng nhẹ nhờ mức tăng đột biến ở nhóm cổ phiếu trụ cột. Cụ thể, nhờ sự hỗ trợ từ việc khối ngoại quay trở lại mua ròng, một cổ phiếu vốn hóa lớn tăng mạnh như VIC (+6.9%), SAB (+4.2%), VNM (+2.2%), VCB (+1.9%)... Trong khi đó, nhóm cổ phiếu bán lẻ hàng tiêu dùng không thiết yếu chịu áp lực giảm mạnh như MWG (-6.8%), FRT (-6.6%), PNJ (-2%)... Cổ phiếu ngành ngân hàng đồng loạt giảm mạnh, với chỉ duy nhất cổ phiếu của 2 ngân hàng tăng nhẹ là VCB (+1.9%) và BID (+0.3%), đều được khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay. Với việc Tập đoàn Dệt may Việt Nam cho biết về tình trạng liên tiếp có những đơn hàng bị hủy, dừng, tạm ngừng, dẫn đến tình trạng hầu hết đơn vị thiếu việc làm trong tháng 4 và tháng 5, cổ phiếu dệt may đồng loạt giảm giá như TNG (-7.1%), MSH (-5.9%), TCM (-3.1%)... Đáng chú ý, áp lực bán từ khối ngoại giảm mạnh với giá trị bán ròng ở mức thấp nhất 3 tuần gần đây, tập trung ở MSN (-0.2%), VHM (+1.9%), VRE (+5.82%)...

VN Index & HNX Index



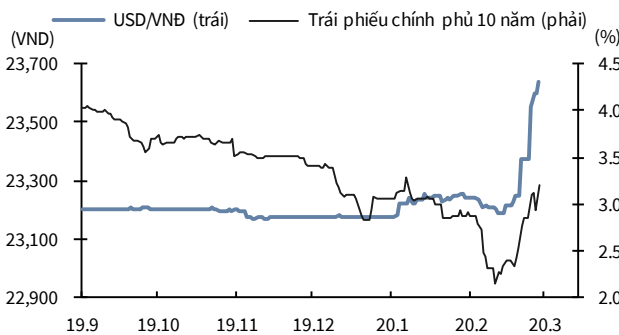
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



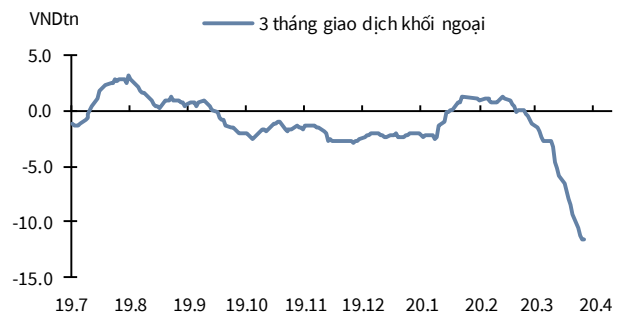
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam - Mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

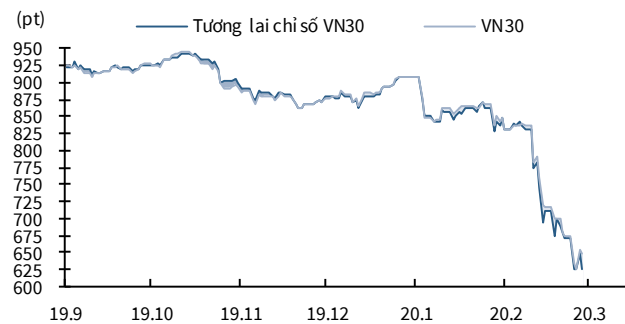
Hợp đồng Tương Lai/Quỹ ETF

VN30	646.70 (-0.86%)
VN30 tương lai	626.1 (-3.42%)
Mở cửa	642.1
Cao nhất	643.9
Thấp nhất	625.5

Tâm lý bi quan tiếp tục bao trùm khiến các HĐTL đồng loạt giảm mạnh phiên hôm nay với thanh khoản ở mức trung bình thấp. Với việc chỉ số VN30 Index chỉ giảm nhẹ nhờ sự hỗ trợ từ diễn biến tích cực ở nhóm cổ phiếu trụ cột, chênh lệch âm ở F2004 nở rộng lên mức -20.6 điểm. Nhà đầu tư nước ngoài giao dịch với khối lượng ở mức trung bình, mua ròng nhẹ ở F2004.

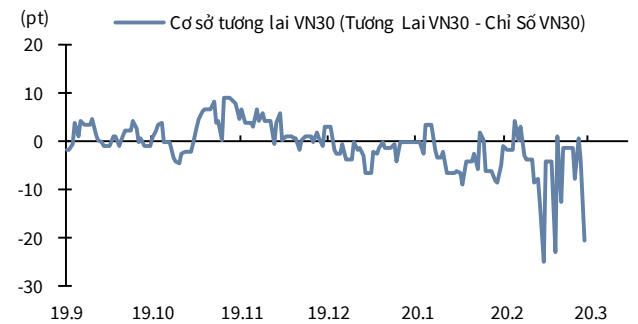
Hợp đồng	176,937 (+4.6%)
KL HĐ mở OI	N/A

HĐTL chỉ số VN30 (1M) & VN30 Index



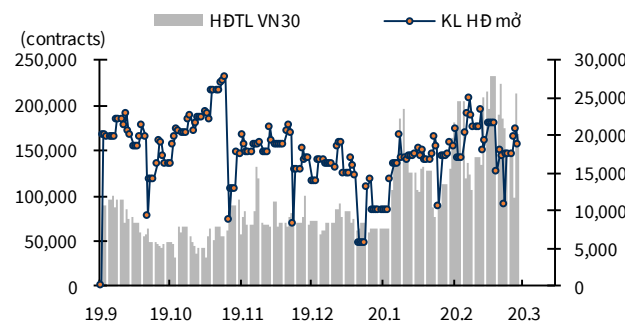
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Chênh lệch HĐTL VN30 (1M) so với VN30 Index



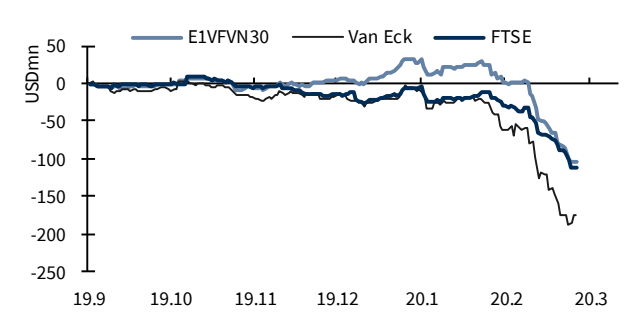
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30 1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

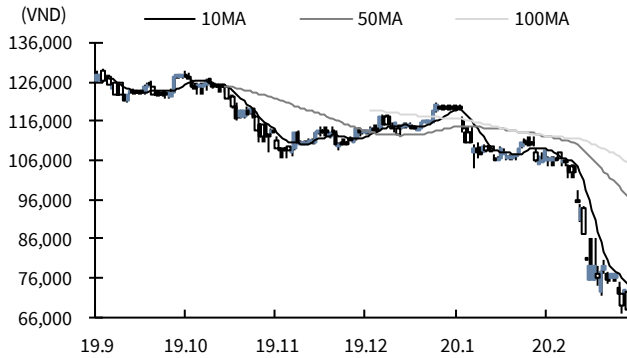
Quy mô các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Tâm điểm cổ phiếu trong ngày

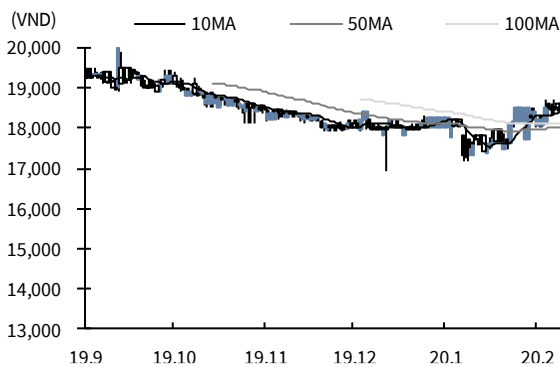
Thế Giới Di Động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm -6.8% xuống 68,000 VNĐ/cp.
- MWG mới đây công bố thông tin sẽ tạm thời đóng cửa một số cửa hàng Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh từ ngày 26/03 tại các vùng có dịch, chủ yếu tập trung ở 1 số quận trên địa bàn Thành phố Hà Nội, theo yêu cầu từ Cơ quan Nhà nước. Các cửa hàng Bách Hóa Xanh vẫn hoạt động bình thường.
- Tính cho đến hết ngày 25/3, đã có 7 lãnh đạo cấp cao của MWG đăng ký mua vào cổ phiếu, với riêng chủ tịch công ty, ông Nguyễn Đức Tài, đăng ký mua 500,000 cổ phiếu để tăng tỷ lệ sở hữu từ 2.61% lên 2.72%.

Viglacera (VGC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VGC đi ngang đóng cửa ở 14,100 VNĐ/cp.
- VGC mới đây công bố kế hoạch kinh doanh 2020 với các chỉ tiêu chính như lợi nhuận sau thuế 528 tỷ đồng (-11%), doanh thu 9,400 tỷ đồng (-7%). Giải thích cho sự thụt lụt trong kế hoạch kinh doanh, ban lãnh đạo công ty cho biết năm 2020, hoạt động của VGC dự kiến chịu tác động tiêu cực bởi dịch Covid-19, đồng thời năm nay công ty không có lợi nhuận đột biến nhờ bán bất động sản khu công nghiệp như năm trước.

Quan Điểm Phân Tích Kỹ Thuật

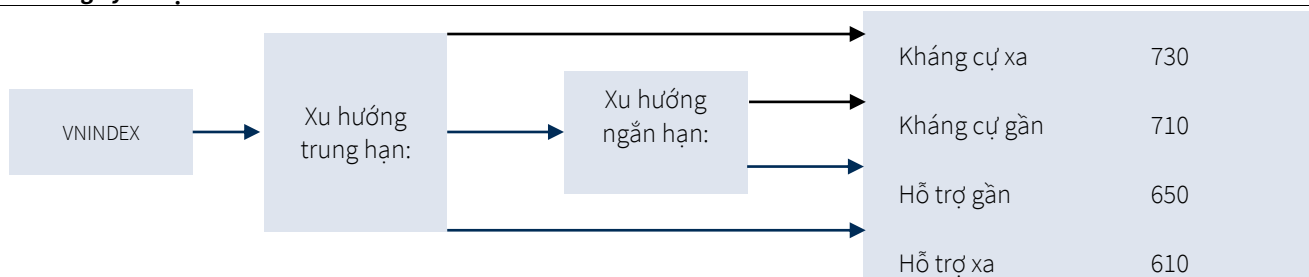
Xu Hướng Kỹ Thuật

Thị Trường Cơ Sở



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

Xu hướng kỹ thuật



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- VNIndex diễn biến giằng co nhưng vẫn giữ được phiên tăng điểm nhẹ trong hôm nay với sự hình thành của mẫu hình nến con quay.
- Áp lực bán vẫn tiềm ẩn khá lớn tại vùng kháng cự quanh 700 đi kèm diễn biến phân hóa của nhóm cổ phiếu dẫn dắt khiến chỉ số khó mở rộng thêm nhịp hồi phục.
- NĐT được khuyến nghị tận dụng nhịp phục hồi để giảm dần vị thế trading ngắn hạn.

Hợp Đồng Tương Lai Chỉ Số VN30



Nguồn : FiinPro, KB Securities Vietnam

- Trái ngược với chỉ số VNIndex, chỉ số VN30 ghi nhận mức giảm nhẹ sau phiên tăng mạnh.
- Tâm lý NĐT đang tỏ ra khá thận trọng và bên Short vẫn đang nắm giữ vị thế áp đảo, được phản ánh qua độ lệch âm nổi rộng mạnh.
- NĐT tiếp tục được khuyến nghị mở vị thế SHORT ngắn hạn ở những vùng kháng cự trong phiên.

KBSV Danh Mục Đầu Tư Mẫu

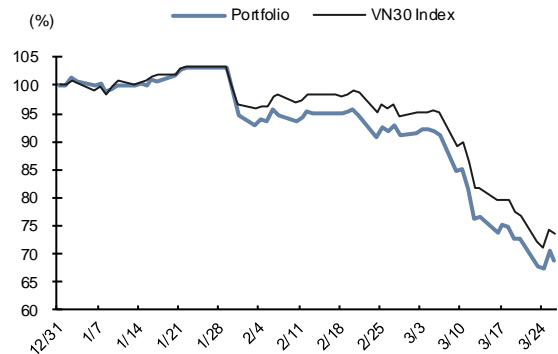
Khối Phân Tích KBSV

Phương Pháp Tiếp Cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VNIndex.
- Ngưỡng chốt lời tại +30% và cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN Index 30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.86%	-2.49%
Tăng lũy kế (YTD)	-26.43%	-31.13%

So Sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 26/03/2020	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	68,000	-6.8%	-41.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	20,500	3.8%	-23.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	53,800	-2.0%	-29.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	15,050	-3.8%	-23.7%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - M Credit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	28,350	-2.9%	-16.6%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	44,200	-3.9%	14.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	18,800	-3.8%	-23.0%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
Vietjet (VJC)	05/02/2019	97,000	-0.1%	-24.9%	- Giá cổ phiếu sụt giảm mạnh do tác động ngắn hạn của dịch Corona - Hướng lợi từ diễn biến sụt giảm sâu của giá dầu - Triển vọng dài hạn khả quan, kỳ vọng việc dự án Long Thành được đẩy nhanh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	16,950	-4.8%	-27.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbacs City Development (KBC)	09/03/2020	11,100	-0.4%	-19.0%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	2.2%	58.6%	106.6
VIC	6.9%	14.5%	35.3
VCB	1.9%	23.7%	8.5
SAB	4.2%	63.3%	7.5
BID	0.3%	17.9%	3.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	5.1%	BVH, PGI
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.2%	GAS, DRL
Thực phẩm và đồ uống	1.1%	VNM, VCF
Y tế	0.9%	DHG, DBD
Dầu khí	-1.6%	PVD, PLX

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-14.0%	YEG, YEG
Ô tô và phụ tùng	-13.4%	TCH, DRC
Tài nguyên Cơ bản	-10.7%	HPG, HSG
Bán lẻ	-9.0%	MWG, FRT
Bất động sản	-7.8%	VHM, VIC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khô ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
TIG	8.5%	15.5%	0.8
KLF	-5.6%	1.4%	0.5
SDT	3.6%	7.2%	0.2
MAS	-7.6%	10.9%	0.1
IDV	0.9%	14.2%	0.1

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	-10.2%	HAI, VAF
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-12.5%	LGC, CAV
Y tế	-12.8%	OPC, DBD
Thực phẩm và đồ uống	-16.0%	VCF, SSC
Xây dựng và Vật Liệu	-19.7%	GAB, SII

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	-35.6%	MWG, FRT
Ô tô và phụ tùng	-34.7%	TCH, DRC
Hàng cá nhân & Gia dụng	-29.5%	PNJ, TLG
Bảo hiểm	-28.0%	BVH, BMI
Ngân hàng	-26.6%	VCB, CTG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1đ)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	81,800	276,683 (11,707)	83,114 (3.6)	22.1	37.4	18.5	31.3	8.0	14.1	3.2	2.8	6.9	-7.8	-22.8	-28.9
	VHM	VINHOMES JSC	61,000	200,660 (8,490)	72,955 (3.1)	34.2	7.4	6.2	35.4	38.2	32.5	2.4	1.7	3.2	-10.9	-24.6	-28.1
	VRE	VINCOM RETAIL JS	20,000	45,446 (1,923)	54,811 (2.3)	16.7	14.3	11.5	16.5	11.2	12.6	1.5	1.4	5.8	-8.7	-31.0	-41.2
	NVL	NOVA LAND INVES	51,800	50,222 (2,125)	33,386 (1.4)	33.1	16.6	14.9	-6.0	12.7	11.9	2.0	-	-0.6	1.6	-3.7	-12.9
	KDH	KHANGDIENHOUSE	19,350	10,535 (446)	5,586 (0.2)	4.7	8.9	8.1	18.9	14.9	14.2	1.3	1.2	0.0	-7.9	-21.0	-28.1
	DXG	DAT XANH GROUP	9,400	5,699 (241)	25,839 (1.1)	6.3	3.5	2.7	0.3	17.5	21.2	0.6	-	-4.1	-11.7	-21.7	-35.2
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	63,200	234,401 (9,918)	97,344 (4.2)	6.3	11.5	9.8	22.3	23.2	21.9	2.2	1.8	1.9	-4.2	-25.6	-29.9
	BID	BANK FOR INVESTM	33,300	133,933 (5,667)	46,994 (2.0)	12.1	16.1	12.5	13.1	12.8	12.4	1.7	1.5	0.3	-0.3	-29.1	-27.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	16,100	56,352 (2,384)	56,094 (2.4)	0.0	5.1	4.3	9.3	16.7	16.6	0.8	0.7	-3.0	-6.7	-28.0	-31.6
	CTG	VIETNAM JS COMM	18,800	70,000 (2,962)	169,174 (7.3)	0.4	7.3	5.0	35.2	13.8	17.0	0.8	0.7	-3.8	-6.5	-27.1	-10.0
	VPB	VIETNAM PROSPERI	19,600	47,780 (2,022)	96,424 (4.1)	0.0	4.8	4.1	16.2	21.1	21.1	0.9	0.8	-3.4	-5.8	-30.7	-2.0
	MBB	MILITARYCOMMERC	15,050	36,292 (1,536)	126,301 (5.4)	0.0	4.1	3.5	18.2	21.2	20.5	0.8	0.7	-3.8	-6.5	-26.6	-27.6
	HDB	HDBANK	19,600	18,868 (798)	43,502 (1.9)	7.3	4.9	4.3	17.0	21.4	21.4	0.8	0.7	-1.5	-6.2	-29.2	-28.9
	STB	SACOMBANK	8,700	15,692 (664)	136,590 (5.9)	11.8	6.1	4.8	39.1	10.1	12.7	0.5	0.5	-4.5	-10.8	-22.3	-13.4
	TPB	TIENPHONGCOMME	20,500	16,945 (717)	8,556 (0.4)	0.0	4.5	4.1	44.5	25.7	21.6	1.0	-	-6.4	-3.8	-1.2	-2.6
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,400	18,933 (801)	4,413 (0.2)	0.0	20.4	21.0	18.6	5.8	5.3	1.1	1.1	-3.8	-1.6	-10.7	-13.5
Bảo hiểm	BVH	BAOVIET HOLDING	39,500	29,322 (1,241)	17,680 (0.8)	20.0	21.7	17.6	6.2	8.1	9.1	1.5	1.4	6.9	6.5	-28.8	-42.4
	BMI	BAOMINHINSURANC	14,850	1,357 (0.57)	2,231 (0.1)	11.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.0	-12.6	-33.4	-40.1
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	12,950	6,709 (284)	40,201 (1.7)	48.0	6.6	5.7	-11.4	10.5	11.2	0.6	0.6	-3.0	-5.5	-19.6	-28.3
	VCI	VIET CAPITAL SEC	15,900	2,612 (111)	1,332 (0.1)	64.8	4.4	3.7	-14.5	14.1	14.8	0.6	0.5	-0.9	-15.0	-40.0	-46.1
	HCM	HOCHIMINH CITY	12,700	3,878 (164)	20,814 (0.9)	45.7	7.5	4.4	-16.4	12.5	17.7	0.8	0.7	-4.9	-9.0	-25.7	-40.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	11,500	2,399 (101)	5,235 (0.2)	9.9	6.6	5.1	-4.2	12.5	15.1	0.7	0.7	-1.7	-11.2	-15.8	-20.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIETNAM DAIRYP	94,000	163,690 (6,926)	159,764 (6.8)	41.4	16.3	15.1	4.7	38.3	39.1	5.6	5.1	2.2	5.6	-10.5	-19.3
	SAB	SAIGON BEER ALCO	125,000	80,160 (3,392)	10,298 (0.4)	36.7	17.2	15.0	8.4	25.1	26.6	4.1	3.8	4.2	-1.6	-29.4	-45.2
	MSN	MASAN GROUP CORP	49,000	57,278 (2,424)	134,237 (5.8)	12.0	20.1	16.9	-31.4	8.3	8.3	1.4	1.2	-0.2	-0.4	-1.5	-13.3
	HNG	HOANGANH GIA LA	12,200	13,524 (572)	4,514 (0.2)	48.7	-	-	-	-	-	-	-	-2.4	-4.7	-9.0	-12.2
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	97,000	50,812 (2,150)	42,793 (1.8)	11.2	11.4	10.1	-5.2	27.2	27.3	2.8	2.7	-0.1	-1.0	-22.4	-33.7
	GMD	GEMADEPT CORP	15,900	4,721 (200)	6,695 (0.3)	0.0	9.1	8.6	-47.2	9.0	9.0	0.8	0.7	-2.5	-5.9	-15.9	-31.8
	CII	HOCHIMINH CITY	18,450	4,573 (193)	13,415 (0.6)	22.0	5.2	6.6	217.5	17.5	11.9	0.7	-	-6.8	-6.3	-17.3	-18.0
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,990	2,265 (096)	37,545 (1.6)	46.8	-	-	-	-	-	-	-	-7.0	-29.1	-46.8	-76.9
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	14,000	6,835 (289)	18,166 (0.8)	33.8	8.2	6.1	-12.9	13.1	15.5	1.0	1.0	-1.1	-1.4	-24.9	-27.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	51,800	3,952 (167)	12,229 (0.5)	2.3	6.2	7.7	-30.7	7.8	6.1	0.4	-	-2.3	-2.3	-17.1	1.0
	REE	REE	28,350	8,790 (372)	23,012 (1.0)	0.0	5.1	4.2	-2.0	15.1	15.9	0.8	0.6	-2.9	-4.9	-16.9	-21.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Khu vực	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ)	GTGD (VNĐ triệu USDmn)	Room còn lại (% -1d)	PER (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							19E	20E		19E	20E	19E	20E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	58,700	112,349 (4,754)	39,701 (1.7)	45.5	11.3	9.4	-3.4	19.5	22.2	2.1	2.0	-2.3	6.1	-26.5	-37.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	16,650	4,793 (203)	5,934 (0.3)	31.2	6.6	6.2	-2.2	17.4	18.7	1.1	1.1	-0.9	-6.7	-15.7	-23.1
	PPC	PHALAI THERMAL	21,400	6,861 (290)	5,735 (0.2)	32.7	6.6	6.6	-4.1	17.8	17.1	1.1	1.1	-1.4	-6.6	-23.6	-20.4
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	16,950	46,800 (1,980)	159,204 (6.8)	12.0	5.7	4.8	-3.4	17.2	18.4	0.8	0.7	-4.8	-11.5	-25.5	-27.9
	DPM	PETROVIETNAM FER	11,550	4,520 (191)	8,388 (0.4)	30.8	9.2	7.9	-22.1	6.7	7.5	0.6	0.6	-0.4	-4.1	-3.3	-10.8
	DCM	PETROCA MAU FER	5,670	3,002 (127)	2,924 (0.1)	47.2	-	9.3	-	-	-	-	-	-1.7	-4.7	-6.9	-12.8
	HSG	HOA SENG GROUP	4,900	2,074 (088)	23,464 (1.0)	31.3	5.3	4.0	0.0	7.0	8.5	0.3	0.3	-6.3	-17.5	-36.8	-37.3
	AAA	ANPHAT BIOPLAST	10,350	1,772 (075)	20,670 (0.9)	37.2	4.5	7.6	51.8	14.8	9.0	0.5	0.4	-2.4	-1.9	-17.9	-18.5
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	39,450	46,978 (1,988)	18,012 (0.8)	6.7	11.5	10.4	11.2	19.1	19.5	2.2	2.3	-1.6	-1.6	-21.3	-29.6
	PVD	PETROVIETNAM DRI	8,150	3,432 (145)	41,177 (1.8)	33.7	17.4	8.8	13.3	1.6	3.0	0.2	0.2	-3.7	-0.6	-33.2	-45.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	8,010	2,254 (095)	11,637 (0.5)	19.8	3.4	3.7	5.3	13.4	13.0	0.4	0.5	-1.5	-5.8	-34.9	-52.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILEWORLD INV	68,000	30,792 (1,303)	110,720 (4.8)	0.0	6.4	5.4	25.7	33.9	32.6	1.9	1.5	-6.8	-10.1	-36.0	-40.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	53,800	12,115 (513)	49,378 (2.1)	0.0	9.3	8.1	18.8	27.4	27.0	2.1	1.8	-2.0	-1.1	-35.2	-37.4
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	52,000	1,534 (065)	4,588 (0.2)	68.4	31.3	24.0	-40.0	4.9	6.1	1.5	1.4	7.0	-7.8	-1.3	40.5
	FRT	FPT DIGITAL RETA	11,950	944 (040)	7,682 (0.3)	5.5	3.9	4.3	-15.7	16.8	14.2	0.6	0.5	-6.6	-17.9	-46.2	-43.2
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	37,650	5,102 (216)	25,098 (1.1)	41.0	4.9	5.2	27.7	36.7	30.4	1.6	1.5	-3.2	-8.2	-16.1	-1.4
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	82,500	10,787 (456)	3,484 (0.1)	45.7	16.9	15.9	4.7	19.0	19.3	3.0	2.9	2.1	7.1	-15.0	-9.8
IT	PME	PYME PHARCO JSC	54,500	4,088 (173)	2,094 (0.1)	37.9	-	-	-	-	-	-	-	-1.1	-4.0	-3.5	0.4
	FPT	FPT CORP	44,200	29,980 (1,269)	112,483 (4.8)	0.0	8.7	7.5	19.8	25.0	25.8	1.9	1.7	-3.9	-7.3	-19.6	-24.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhdt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Lê Thành Công

congl@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ngân hàng Tài chính – Nguyễn Thị Thu Huyền

huyenntt@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Thủy sản & Dược phẩm – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Hóa chất – Nguyễn Vinh

vinhn@kbsec.com.vn

Bộ phận Marketing Research

Chuyên viên Marketing Hàn Quốc – Seon Yeong Shin

shin.sy@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.